

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 57/2021/HS-PT
Ngày 28 - 7 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Mai

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Bích Ngọc và bà Nguyễn Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Đường Thái Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Mậu Mai Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 48/2021/TLPT-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021, đối với bị cáo Bùi Thị K do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2021/HS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị cáo có kháng cáo: Bùi Thị K, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1956 tại xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; cư trú tại: Thôn C, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 07/10; nghề nghiệp: Làm ruộng; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Bùi Đức Q (đã chết) và bà Bùi Thị B (đã chết); có chồng là Nguyễn Hữu V (đã chết); tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài L có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 14 tháng 8 năm 2020, Bùi Thị K đang ở nhà

của mình tại thôn C, xã C, thành phố P, thì có Đinh Ngọc Q đến nhà để mua số lô, số đề của K, thống nhất cách chơi như sau: 01 điểm lô K bán với giá 22.000 đồng, nếu người mua số lô có kết quả trùng với 02 số cuối tất cả các giải của kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng cùng ngày sẽ được hưởng số tiền là 80.000 đồng cho 01 số trùng; Người mua số đề nếu trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng cùng ngày sẽ được gấp 80 lần số tiền đã mua. K quy định đối với những người mua số đề với số tiền trên 50.000 đồng thì K sẽ trừ bớt tiền cho người mua.

Q mua của K các số lô: 35, 33, 90, 98, 80, 48, 84, 66 và 41 mỗi số 10 điểm (tổng là 90 điểm \times 22.000 đồng/01 điểm = 1.980.000 đồng); Các số đề gồm: Có 6 (20 số, gồm: 10 số đầu 6 – từ 60 đến 69 và 10 số đít 6 -từ 06 đến 96) mỗi số 10.000 đồng = 200.000 đồng. Có 9 (20 số, gồm: 10 số đầu 9 - từ 90 đến 99 và 10 số đít 9 – từ 09 đến 99) mỗi số 10.000 đồng = 200.000 đồng. Tổng số tiền Q mua số đề của K là 400.000 đồng (K trừ cho Q 30.000 đồng, chỉ nhận 370.000 đồng). Tổng số tiền Q mua số lô, đề của K là 2.380.000 đồng. Q đưa cho K số tiền 2.500.000 đồng. K trả lại Q 150.000 đồng, rồi ghi các số lô, đề Q mua vào 01 tờ giấy A4.

Ngay sau đó, Ngô Duy T vào nhà K để mua số lô đề, K và T thống nhất cách chơi như trên. T mua của K các số đề: 55, 51, 67, 01, 10, 15 mỗi số 30.000 đồng = 180.000 đồng; Đầu 6 (gồm 10 số, từ 60 đến 69) mỗi số 20.000 đồng = 200.000 đồng; Đít 6 (gồm 10 số, từ 06 đến 96) mỗi số 10.000 đồng = 100.000 đồng. Tổng số tiền đề T mua của K là 480.000 đồng, T trả K 500.000 đồng, còn thừa 20.000 đồng, T bảo K bán cho T thêm 02 số lô 57 và 85 mỗi số 05 điểm = 10 điểm \times 22.000 đồng/01 điểm = 220.000 đồng. Tổng số tiền T mua số lô, số đề của K là 700.000 đồng. K đồng ý bán vừa ghi số lô 57, 85 vào tờ giấy A4 nhưng chưa kịp ghi số điểm và nhận tiền thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng liên quan.

Quá trình điều tra vụ án xác định: Trước khi bị bắt quả tang, cùng ngày 14 tháng 8 năm 2020, ngoài việc bán các số lô, số đề cho Đinh Ngọc Q và Ngô Duy T. Cũng với cách thức chơi như trên, bị cáo Bùi Thị K còn bán các số lô, số đề, số 3 càng và số lô xiên cho những người gồm: Hoàng Văn L, Tạ Văn Đ, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Thị N, Lê Thị M, Bùi Đức V, Nguyễn Hải H1 đều cư trú tại Thôn C, xã C, thành phố P và 1 số đối tượng không quen biết với tổng số tiền là: 4.432.000 đồng. Cụ thể:

1. K bán cho 01 người công nhân không biết tên số đề: 60 = 15.000 đồng,

đã nhận đủ tiền;

2. K bán cho 01 người công nhân không biết tên các số đề: 06, 60, 84 mỗi số 20.000 đồng = 60.000 đồng; 48, 00, 77, 66, 22 mỗi số 10.000 đồng = 50.000 đồng; 55 = 50.000 đồng. Tổng = 160.000 đồng (K trừ cho người này 15.000 đồng, đã nhận số tiền 145.000 đồng);

3. K bán cho Nguyễn Xuân H, sinh năm 1977, trú tại: thôn C, xã C, thành phố P số đề: 82 = 105.000 đồng (K trừ cho Hợp 10.000 đồng, đã nhận số tiền 95.000 đồng);

4. K bán cho 01 người công nhân không biết tên các số đề: 01, 10, 15, 51, 19, 91 mỗi số 10.000 đồng = 60.000 đồng; 50, 03 mỗi số 20.000 đồng = 40.000 đồng; 75, 95, 59, 32, 23 mỗi số 10.000 đồng = 50.000 đồng; 00, 54, 57, 23, 81, 43, 30, 36, 56, 66, 58, 70 mỗi số 5.000 đồng = 60.000 đồng. Tổng 210.000 đồng (K trừ cho người này 20.000 đồng, đã nhận số tiền 190.000 đồng);

5. K bán cho 01 người công nhân không biết tên các số đề: 17, 18 mỗi số 15.000 đồng = 30.000 đồng; 71, 81 mỗi số 5.000 đồng = 10.000 đồng; 03 càn: 017, 417 mỗi số 5.000 đồng, 418 là 3.000 đồng = 13.000 đồng. Tổng 53.000 đồng (K trừ cho người này 5.000 đồng, đã nhận số tiền 48.000 đồng);

6. K bán cho Hoàng Văn L, sinh năm 1962, trú tại: thôn C, xã C, thành phố P các số đề: 90, 54, 56, 10, 52, 70, 30, 58, 50, 36, 18, 32, 78, 34, 98, 48, 84, 88, 38, 83, 28, 82, 68, 86, 00, 08, 80, 02, 20, 06, 60, 04, 40 mỗi số 7.000 đồng = 231.000 đồng; 09, 45, 01, 65, 07, 25, 03, 85, 05, 81, 63, 23, 87, 43, 89 mỗi số 10.000 đồng = 150.000; Đít 5 (gồm 10 số từ 05 đến 95) mỗi số 5.000 đồng = 50.000 đồng; 39, 93 mỗi số 8.000 đồng = 16.000 đồng. Tổng 447.000 đồng (K trừ cho ông L 47.000 đồng, đã nhận số tiền 400.000 đồng);

7. K bán cho Nguyễn Thị N, sinh năm 1958, trú tại: Thôn C, xã C, thành phố P các số đề: Cặp 37 (02 số 37, 73) mỗi số 10.000 đồng = 20.000 đồng; 01, 10, 15, 51, 19, 91, 23, 32 mỗi số 15.000 đồng = 120.000 đồng; 19, 39 mỗi số 20.000 đồng = 40.000 đồng; 69, 14 mỗi số 10.000 đồng = 20.000 đồng; 19, 91 mỗi số 3.000 đồng = 6.000 đồng. Tổng 206.000 đồng (K trừ cho N 20.000 đồng, đã nhận số tiền 186.000 đồng);

8. K bán cho ông S, trú tại: thôn C, xã C, thành phố P các số đề: cặp 93 (02 số: 39, 93) mỗi số 8.000 đồng = 16.000 đồng; 39 × 1.000 đồng. Tổng 17.000 đồng (K đã nhận số tiền 17.000 đồng);

9. K bán cho 01 người công nhân không biết tên các số đề: Có 0 (20 số, gồm: 10 số đầu 0 từ 00 đến 09 + 10 số đít 0 từ 00 đến 90) mỗi số 3.000 đồng = 60.000 đồng; 27, 72 mỗi số 10.000 đồng = 20.000 đồng; 79, 78, 84, 67, 07, 73,

37, 71, 17, 79, 97 mỗi số 30.000 đồng = 330.000 đồng; 83, 33, 35, 63, 36, 93, 39, 81, 91, 68, 46 mỗi số 10.000 đồng = 110.000 đồng; 37, 35, 97, 67, 74 mỗi số 20.000 đồng = 100.000 đồng; 89, 98, 34, 35, 64 mỗi số 10.000 đồng = 50.000 đồng; Lô Xiên 02: 44, 00; 88, 00; 66, 00 mỗi cặp 30.000 đồng = 90.000 đồng. Tổng 760.000 (K trừ cho người này 75.000 đồng, đã nhận số tiền 685.000 đồng); Các số Lô: 00, 66 mỗi số 10 điểm = 440.000 đồng (đã nhận tiền). Tổng số tiền K bán số lô, số đề cho người này: 1.200.000 đồng;

10. K bán cho Bùi Đức V, sinh năm 1966, trú tại: thôn C, xã C, thành phố P các số đề: 95, 65 mỗi số 20.000 đồng = 40.000 đồng; 90, 09, 92, 97, 56, 55, 06, 60 mỗi số 10.000 đồng = 80.000 đồng; 67 = 60.000 đồng; 95 = 30.000 đồng. Tổng 210.000 đồng (K trừ cho V 20.000 đồng, đã nhận số tiền 190.000 đồng);

11. K bán cho bà B, trú tại: thôn C, xã C, thành phố P các số đề: 01, 10, 06, 60 mỗi số 50.000 đồng = 200.000 đồng; 15, 51 mỗi số 20.000 đồng = 40.000 đồng; Cặp 01 (02 số: 01, 10) mỗi số 10.000 đồng = 20.000 đồng; Cặp 00 (02 số: 00, 55) mỗi số 10.000 đồng = 20.000 đồng; 77 = 20.000 đồng. Tổng số tiền đề: 300.000 đồng (K trừ cho bà B 30.000 đồng, đã nhận số tiền 270.000 đồng); Các số Lô: 37, 44 mỗi số 01 điểm = 44.000 đồng (đã nhận tiền). Tổng số tiền K bán số lô + số đề cho bà B: 344.000 đồng;

12. K bán cho 01 người nam công nhân chỉ biết tên là C khoảng 30 tuổi, không biết địa chỉ các số đề: 01, 10, 06, 60, 09, 90, 19, 91, 96, 69 mỗi số 10.000 đồng = 100.000 đồng; 03 càng: 469 = 5.000 đồng. Tổng 105.000 đồng (K trừ cho người này 10.000 đồng, đã nhận số tiền 95.000 đồng);

13. K bán cho 01 người nam công nhân khoảng hơn 20 tuổi, không biết tên, địa chỉ các số đề: 06, 60 mỗi số 50.000 đồng = 100.000 đồng; 65 = 20.000 đồng; 56 = 5.000 đồng. Tổng 125.000 đồng (K trừ cho người này 10.000 đồng, đã nhận số tiền 115.000 đồng); Số Lô: 84 x 15 điểm = 330.000 đồng (đã nhận tiền). Tổng số tiền K bán số lô + số đề cho người này: 455.000 đồng;

14. K bán cho ông P, trú tại: thôn C, xã C, thành phố P các số đề: Có 9 (20 số, gồm: 10 số Đầu 9 – từ 90 đến 99; 10 số Đít 9 – từ 09 đến 99) mỗi số 5.000 đồng = 100.000 đồng; Cặp 39 (02 số, gồm 39 và 93) mỗi số 5.000 đồng = 10.000 đồng; 30, 89, 59 mỗi số 10.000 đồng = 30.000 đồng; 30 = 10.000 đồng; 39 = 20.000 đồng. Tổng 170.000 đồng (K trừ cho ông P 15.000 đồng, đã nhận số tiền 155.000 đồng);

15. K bán cho Nguyễn Hải H1, sinh năm 1987, trú tại: thôn C, xã C, thành phố P (là con trai ruột của K) các số Đề: 60 = 70.000; 65, 10, 15 mỗi số 10.000 đồng = 30.000 đồng; 72 = 5.000 đồng. Tổng 105.000 đồng (K trừ cho H1 15.000

đồng, đã nhận số tiền 90.000 đồng);

16. K bán cho Lê Thị M, sinh năm 1971, trú tại: thôn C, xã C, thành phố P các số đề: Đầu 7 (gồm 10 số - từ 70 đến 79) mỗi số 10.000 đồng = 100.000 đồng; Đít 7 (gồm 10 số - từ 07 đến 97) mỗi số 5.000 đồng = 50.000 đồng. Tổng 150.000 đồng (K trừ cho bà M 15.000 đồng, đã nhận số tiền 135.000 đồng); Các số Lô: 75, 57 mỗi số 05 điểm = 220.000 đồng (đã nhận tiền). Tổng số tiền K bán số lô, số đề cho Mai: 370.000 đồng;

17. K bán cho Tạ Văn Đ, sinh năm 1963, trú tại: thôn C, xã C, thành phố P các số đề: 27, 72, 25, 75 mỗi số 10.000 đồng = 40.000 đồng (K không trừ cho ông Đ, thu đủ 40.000 đồng); Các số Lô: 66, 88 mỗi số 05 điểm = 220.000 đồng (đã nhận tiền). Tổng số tiền K bán số Lô, số Đề cho ông Đ: 260.000 đồng.

Như vậy, ngày 14 tháng 8 năm 2020, bị cáo K đã bán số lô đề cho 19 người với tổng số tiền là: 2.380.000 đồng + 700.000 đồng + 4.432.000 đồng = 7.512.000 đồng.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, K bán các số lô, số đề, số 3 càng và số lô xiên cho những đối tượng gồm: Hoàng Văn L; Tạ Văn Đ; Nguyễn Xuân H; Nguyễn Thị N; Lê Thị M; Bùi Đức V; bị cáo Ngô Duy T, tất cả đều trú tại: thôn C, xã C, thành phố P; Đinh Ngọc Q, trú tại: thôn Y, xã C, thành phố P và các đối tượng không quen biết với tổng số tiền bán lô, đề là: 10.580.000 đồng, cụ thể như sau:

1. K bán cho 01 người nam công nhân khoảng hơn 50 tuổi, không biết tên, địa chỉ các số đề: 45 = 30.000 đồng; 95, 85 mỗi số 5.000 đồng = 10.000 đồng; các số 03 càng: 745×10.000 đồng; 245×3.000 đồng = 13.000 đồng. Tổng 53.000 đồng (K trừ cho người này 5.000 đồng, đã nhận số tiền 48.000 đồng);

2. K bán cho ông Hoàng Văn L, sinh năm 1962, trú tại: thôn C, xã C, thành phố P các số đề: Cặp 39 (gồm 02 số: 39, 93) mỗi số 10.000 đồng = 20.000 đồng; Đít 8 (gồm 10 số từ 08 đến 98) mỗi số 5.000 đồng = 50.000 đồng; Đít 4 (gồm 10 số từ 04 đến 94) mỗi số 5.000 đồng = 50.000 đồng. Tổng 120.000 đồng (K trừ cho L 10.000 đồng, đã nhận số tiền 110.000 đồng);

3. K bán cho Tạ Văn Đ, sinh năm 1963, trú tại: thôn C, xã C, thành phố P các số Đề: 78, 87, 69 mỗi số 5.000 đồng = 15.000 đồng; 81 = 10.000 đồng; Tổng 5 (02 số: 05 và 50) mỗi số 5.000 đồng = 10.000 đồng; Xiên ba: 78, 51, 33 = 20.000 đồng. Tổng 55.000 đồng (K trừ cho ông Đ 5.000 đồng, đã nhận số tiền 50.000 đồng); Lô 33×15 điểm = 330.000 đồng (đã nhận tiền). Tổng số tiền K bán số lô, đề cho ông Đ: 385.000 đồng.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, ông Đ trúng số Lô 33×15 điểm $\times 80.000$ đồng/01 điểm = 1.200.000 đồng. K khai đã trả cho ông Đ số tiền trúng thưởng là

1.200.000 đồng nhưng ông Đ khai chưa nhận tiền trả thưởng từ K. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phúc Yên đã T hành đối chất giữa ông Đ và K về nội dung này nhưng ông Đ không nhận đã lấy tiền trúng thưởng từ K, việc bị cáo K khai đã trả thưởng cho ông Đ nhưng không có tài L chứng minh. Như vậy, ngày 13 tháng 8 năm 2020, bị cáo K đánh bạc với ông Tạ Văn Đ dưới hình thức đánh lô, đề tổng số tiền là: 385.000 đồng + 1.200.000 đồng = 1.585.000 đồng;

4. K bán cho 01 người nam công nhân khoảng hơn 50 tuổi, không biết tên, địa chỉ các số Đề: 20 = 2.000 đồng; 15, 94, 39, 86, 84, 35, 85 mỗi số 3.000 đồng = 21.000 đồng. Tổng 23.000 đồng. K nhận đủ 23.000 đồng;

5. K bán cho ông S, trú tại: thôn C, xã C, thành phố P các số đề: Cặp 98 (gồm 02 số 98 và 89) mỗi số 5.000 đồng = 10.000 đồng; Cặp 36 gồm: 36 và 63 mỗi số 2.000 đồng = 4.000 đồng; Cặp 01 (gồm 02 số 01 và 10) mỗi số 2.000 đồng = 4.000 đồng. Tổng 18.000 đồng, K nhận đủ 18.000 đồng; Số Lô: 58 × 10 điểm = 220.000 đồng (đã nhận tiền). Tổng số tiền K bán số lô, đề cho ông S: 238.000 đồng;

6. K bán cho 01 người nữ công nhân tên là N1, không biết địa chỉ các số Đề: 23, 70 mỗi số 20.000 đồng = 40.000 đồng; 22 = 10.000 đồng; 03 càng 823 = 20.000 đồng, 822 = 10.000 đồng. Tổng 80.000 đồng (K trừ cho người này 5.000 đồng, đã nhận số tiền 75.000 đồng); Lô 33 × 05 điểm = 110.000 đồng (đã nhận tiền). Tổng số tiền K bán số lô, đề cho người này là 190.000 đồng.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, người phụ nữ tên Nên trúng số Lô 33 × 05 điểm × 80.000 đồng/01 điểm = 400.000 đồng (K đã trả tiền thưởng cho Nên). Như vậy, ngày 13 tháng 8 năm 2020, bị cáo K đánh bạc với người này dưới hình thức đánh lô, đề tổng số tiền là: 190.000 đồng + 400.000 đồng = 590.000 đồng;

7. K bán cho Nguyễn Xuân H, sinh năm 1977, trú tại: thôn C, xã C, thành phố P số Đề: 82 = 105.000 đồng (K trừ 10.000 đồng, đã nhận số tiền 95.000 đồng);

8. K bán cho 01 người công nhân nam đã nghỉ hưu tên là Đ1, không biết địa chỉ các số đề: 43, 34, 48, 84, 22, 27, 72, 23, 32, 93, 39, 98, 89, 83, 38, 88, 33 mỗi số 3.000 đồng = 51.000 đồng. Tổng 51.000 đồng (K trừ cho người này 5.000 đồng, đã nhận số tiền 46.000 đồng).

9. K bán cho bà Đ2, trú tại: thôn C, xã C, thành phố P (theo lời khai của K) các số đề: Cặp 01 (gồm 02 số 01 và 10) mỗi số 8.000 đồng = 16.000 đồng; Đầu 0 (gồm 10 số từ 00 đến 09) mỗi số 1.000 đồng = 10.000 đồng; Đít 0 (gồm 10 số từ 00 đến 90) mỗi số 1.000 đồng = 10.000 đồng; 31, 91 mỗi số 3.000 đồng = 6.000 đồng. Tổng tiền đề là 42.000 đồng, K thu đủ 42.000; Các số Lô: 10, 90,

58 mỗi số 02 điểm; 60, 70, 85, 05, 50 mỗi số 01 điểm = $11 \text{ điểm} \times 22.000 \text{ đồng}/01 \text{ điểm} = 242.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền K bán số lô, đề cho bà Đ2 là 284.000 đồng.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, bà Đ2 trúng số lô: 60, 70 và 05 mỗi số 01 điểm $\times 80.000 \text{ đồng}/01 \text{ điểm} = 240.000 \text{ đồng}$ (K chưa trả tiền trúng thưởng). Như vậy, ngày 13 tháng 8 năm 2020, bị cáo K đánh bạc với bà Đ2 dưới hình thức đánh lô, đề tổng số tiền là: $284.000 \text{ đồng} + 240.000 \text{ đồng} = 524.000 \text{ đồng}$;

10. K bán cho bà B, trú tại: thôn C, xã C, thành phố P các số đề: Cặp 01 (gồm 02 số 01 và 10) mỗi số 30.000 đồng = 60.000 đồng; 01, 10, 06, 60, 15, 51 mỗi số 20.000 đồng = 120.000 đồng; Đầu 7 (gồm 10 số từ 70 đến 79) mỗi số 5.000 đồng = 50.000 đồng; 70, 71, 43, 34 mỗi số 20.000 đồng = 80.000 đồng; 77 = 30.000 đồng; Đít 1 (gồm 10 số từ 01 đến 91) mỗi số 10.000 đồng = 100.000 đồng. Tổng số tiền đề là 440.000 đồng (K trừ cho bà B 40.000 đồng, đã nhận số tiền 400.000 đồng); Số Lô $33 \times 02 \text{ điểm} = 44.000 \text{ đồng}$ (đã nhận tiền). Tổng số tiền K bán số lô, đề cho bà B là 484.000 đồng.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, bà B trúng số Lô: $33 \times 02 \text{ điểm} \times 80.000 \text{ đồng}/01 \text{ điểm} = 160.000 \text{ đồng}$ (K chưa trả tiền trúng thưởng). Như vậy, ngày 13 tháng 8 năm 2020, bị cáo K đánh bạc với bà B dưới hình thức đánh lô, đề tổng số tiền là: $484.000 \text{ đồng} + 160.000 \text{ đồng} = 644.000 \text{ đồng}$;

11. K bán cho Nguyễn Thị N, sinh năm 1958, trú tại: thôn C, xã C, thành phố P các số đề: 13, 31, 14, 41, 17 mỗi số 20.000 đồng = 100.000 đồng; 36, 63, 31, 13, 81, 18, 21, 12, 70, 75 mỗi số 10.000 đồng = 100.000 đồng; Cặp 13, 31 mỗi số 1.000 đồng = 2.000 đồng; Cặp 14, 41 mỗi số 1.000 đồng = 2.000 đồng; 19, 91 mỗi số 3.000 đồng = 6.000 đồng; 31, 14 mỗi số 10.000 đồng = 20.000 đồng; 81, 51, 15, 01, 10 mỗi số 3.000 đồng = 15.000 đồng; 12, 21 mỗi số 4.000 đồng = 8.000 đồng. Tổng 253.000 đồng (K trừ cho bà N 23.000 đồng, đã nhận số tiền 230.000 đồng);

12. K bán cho anh S1, trú tại: thôn C, xã C, thành phố P các số đề: 39, 40, 41, 59, 95, 14, 04, 93, 41 mỗi số 10.000 đồng = 90.000 đồng. Tổng 90.000 đồng (K trừ cho anh S1 10.000 đồng, đã nhận số tiền 80.000 đồng);

13. K bán cho 01 người nam công nhân khoảng gần 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ các số Đề: 43, 34, 44, 33, 00, 77 mỗi số 10.000 đồng = 60.000 đồng; 07, 70, 55 mỗi số 20.000 đồng = 60.000 đồng; 22 = 40.000 đồng; 22, 77 mỗi số 10.000 đồng = 20.000 đồng; 03 cang 522 = 20.000 đồng. Tổng 200.000 đồng (K trừ cho người này 20.000 đồng, đã nhận số tiền 180.000 đồng);

14. K bán cho ông A, trú tại: thôn C, xã C, thành phố P các số đề: 83 =

20.000 đồng; 73 = 10.000 đồng. Tổng 30.000, K thu đủ 30.000; Các số Lô: 46, 83 mỗi số 02 điểm \times 22.000 đồng/01 điểm = 88.000 đồng. Tổng số tiền K bán số lô, đề cho ông A là 118.000 đồng;

15. K bán cho 01 người nữ công nhân khoảng hơn 50 tuổi, không biết tên, địa chỉ các số đề: Có 1 (gồm 20 số: 10 số đầu 1 + 10 số đuôi 1) mỗi số 3.000 đồng = 60.000 đồng; 15 = 5.000 đồng. Tổng tiền đề là 65.000 đồng (K trừ cho người này 5.000 đồng, đã nhận số tiền 60.000 đồng); Các số lô: 58, 85 mỗi số 02 điểm = 88.000 đồng. Tổng số tiền K bán số lô, đề cho người này: 153.000 đồng;

16. K bán cho ông P, trú tại: thôn C, xã C, thành phố P các số đề: 06, 60, 01 mỗi số 10.000 đồng = 30.000 đồng; Xiên 03: 33, 66, 85 = 20.000 đồng. Tổng 50.000 đồng. (K thu đủ 50.000 đồng);

17. K bán cho bà Lê Thị M, sinh năm 1971, trú tại: thôn C, xã C, thành phố P các số đề: Có 7 (10 số đầu 7 + 10 số đuôi 7 = 20 số) mỗi số 5.000 đồng = 100.000 đồng; Có 4 (10 số đầu 4 + 10 số đuôi 4 = 20 số) mỗi số 5.000 đồng = 100.000 đồng; Có 0 (10 số đầu 0 + 10 số đuôi 0 = 20 số) mỗi số 5.000 đồng = 100.000 đồng; 69 = 50.000 đồng; 96 = 20.000 đồng. Tổng số tiền đề là 370.000 (K trừ cho bà M 35.000 đồng, chỉ thu 335.000 đồng); các số lô: 69, 96 mỗi số 05 điểm = 220.000 đồng. Tổng số tiền K bán số lô, đề cho bà M là 590.000 đồng.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, bà M trúng số lô: $69 \times 05 \text{ điểm} \times 80.000 \text{ đồng/01 điểm} = 400.000 \text{ đồng}$, trúng số đề $57 \times 5.000 \text{ đồng} = 400.000 \text{ đồng}$ (K đã trả tiền thưởng cho bà M). Như vậy, ngày 13 tháng 8 năm 2020, bị cáo K đánh bạc với bà M dưới hình thức đánh lô, đề tổng số tiền là: 590.000 đồng + 800.000 đồng (tiền trúng lô, đề) = 1.390.000 đồng;

18. K bán cho 01 người đàn ông tên là D khoảng hơn 50 tuổi ở thôn Y, xã C, thành phố P các số Đề: 40, 90, 91, 50, 51, 81, 31, 10, 47, 74, 11, 62 mỗi số 5.000 đồng = 60.000 đồng; 41 = 15.000 đồng; 01 = 10.000 đồng; 16, 61 mỗi số 5.000 đồng = 10.000 đồng; 65, 56 mỗi số 10.000 đồng = 20.000 đồng. Tổng số tiền đề là 115.000 đồng (K trừ cho ông D 10.000 đồng, đã nhận số tiền 105.000 đồng); Số lô: $10 \times 05 \text{ điểm} = 110.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền K bán số lô, đề cho ông D: 115.000 + 110.000 đồng = 225.000 đồng;

19. K bán cho anh Đinh Ngọc Q, sinh năm 1978, cư trú tại: thôn Y, xã C, thành phố P các số đề: 13, 31, 19, 91, 01, 10 mỗi số 10.000 đồng = 60.000 đồng. Tổng số tiền đề là 60.000 đồng (K trừ cho anh Q 5.000 đồng, đã nhận số tiền 55.000 đồng); Các số lô: 35, 01 mỗi số 05 điểm = 10 điểm \times 22.000 đồng/01 điểm = 220.000 đồng. Tổng số tiền K bán số lô, đề cho anh Q là: 60.000 đồng + 220.000 đồng = 280.000 đồng;

20. K bán cho 01 người nam công nhân khoảng 45 tuổi, không biết tên, địa chỉ các số đề: 34, 73, 37, 39, 93, 35, 36, 63 mỗi số 30.000 đồng = 240.000 đồng; 89, 98, 31, 91, 81, 51 mỗi số 20.000 đồng = 120.000 đồng; 01, 69, 74, 79, 97, 33, 11, 99 mỗi số 5.000 đồng = 40.000 đồng; 89, 98 mỗi số 10.000 đồng = 20.000 đồng. Tổng số tiền đề là 420.000 đồng (K trừ cho người này 40.000 đồng, đã nhận số tiền 380.000 đồng);

21. K bán cho 01 người đàn ông tên T1, khoảng hơn 30 tuổi ở thôn Y, xã C, thành phố P các số đề: 01, 10, 65, 56, 37, 73, 79, 97, 89, 98, 59, 95, 06, 60 mỗi số 20.000 đồng = 280.000 đồng; 03 càng: 759 = 50.000 đồng. Tổng số tiền đề là 330.000 đồng (K trừ cho người này 30.000 đồng, đã nhận số tiền 300.000 đồng);

22. K bán cho 01 người nam công nhân khoảng 50 tuổi, không biết tên, địa chỉ các số đề: 09, 90, 54 mỗi số 10.000 đồng = 30.000 đồng. Tổng 30.000 đồng, K thu đủ 30.000 đồng;

23. K bán cho 01 người nam công nhân khoảng trên 50 tuổi, không biết tên, địa chỉ các số đề: 12, 13 mỗi số 40.000 đồng = 80.000 đồng; 62, 71, 17 mỗi số 20.000 đồng = 60.000 đồng; 50, 12 mỗi số 30.000 đồng = 60.000 đồng; 62, 11, 14, 15, 16 mỗi số 10.000 đồng = 50.000 đồng; 49, 94 mỗi số 10.000 đồng = 20.000 đồng. Tổng số tiền đề là 270.000 đồng (K trừ cho người này 25.000 đồng, đã nhận số tiền 245.000 đồng);

24. K bán cho ông Bùi Đức V, sinh năm 1966, trú tại: thôn C, xã C, thành phố P các số đề: 11, 33, 13, 31, 04, 40, mỗi số 10.000 đồng = 60.000 đồng. Tổng 60.000 đồng (K trừ cho ông Vĩnh 5.000 đồng, đã nhận số tiền 55.000 đồng);

25. K bán cho Ngô Duy T, sinh năm 1979, cư trú tại: thôn C, xã C, thành phố P các số đề: 19 = 50.000 đồng; 60, 10, 15, 55 mỗi số 20.000 đồng = 80.000 đồng; Cặp 01 (gồm 02 số 01 và 10) mỗi số 20.000 đồng = 40.000 đồng; Cặp 33 (gồm 02 số 33 và 88) mỗi số 25.000 đồng = 50.000 đồng; 15 = 20.000 đồng; 26 = 50.000 đồng; Xiên 04: 85, 20, 27, 60 = 100.000 đồng. Tổng số tiền đề là 390.000 đồng (K trừ cho T 40.000 đồng, đã nhận số tiền 350.000 đồng); Các số lô: 58, 27, 72, 87, 20, 60, 10, 63 mỗi số 15 điểm, 85×50 điểm. Tổng $170 \text{ điểm} \times 80.000 \text{ đồng}/01 \text{ điểm} = 3.740.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền Ngô Duy T mua số lô đề của K ngày 13 tháng 8 năm 2020 là: $390.000 \text{ đồng} + 3.740.000 \text{ đồng} = 4.130.000 \text{ đồng}$.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, Ngô Duy T trúng số Lô $60 \times 15 \text{ điểm} \times 80.000 \text{ đồng}/01 \text{ điểm} = 1.200.000 \text{ đồng}$. K đã trả tiền trúng thưởng cho Tiến.

Như vậy, ngày 13 tháng 8 năm 2020, Ngô Duy T đánh bạc với bị cáo K

tổng số tiền là: 4.130.000 đồng (tiền mua số lô đề) + 1.200.000 đồng (tiền trúng thưởng) = 5.330.000 đồng;

26. K bán cho 01 người nam công nhân khoảng trên 50 tuổi, không biết tên, địa chỉ các số Đề: 90, 91, 95, 51, 60 mỗi số 10.000 đồng = 50.000 đồng; 01, 10 mỗi số 2.000 đồng = 4.000 đồng; 02, 20 mỗi số 1.000 đồng = 2.000 đồng; 03 càng: 991 là 10.000 đồng, 960 là 10.000 đồng = 20.000 đồng. Tổng số tiền đề là 76.000 đồng (K trừ cho người này 6.000 đồng, đã nhận số tiền 70.000 đồng);

27. K bán cho 01 người nam công nhân khoảng trên 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ các số đề: 06, 60, 56, 65, 79 mỗi số 30.000 đồng = 150.000 đồng. Tổng số tiền đề là 150.000 đồng (K trừ cho người này 15.000 đồng, đã nhận số tiền 135.000 đồng); các số lô: 27, 33 mỗi số 10 điểm = 440.000 đồng. Tổng số tiền K bán số lô, đề cho người này là 590.000 đồng.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, người này trúng số lô: $33 \times 10 \text{ điểm} \times 80.000 \text{ đồng}/01 \text{ điểm} = 800.000 \text{ đồng}$ (K đã trả tiền trúng thưởng). Như vậy, ngày 13 tháng 8 năm 2020, bị cáo K đánh bạc với người này dưới hình thức đánh lô, đề tổng số tiền là: 590.000 đồng + 800.000 đồng = 1.390.000 đồng;

28. K bán cho 01 người nam giới khoảng trên 30 tuổi, không biết tên, địa chỉ các số đề: 81, 01, 51, 61 mỗi số 3.000 đồng = 12.000 đồng, K thu đủ 12.000 đồng;

29. K bán cho 01 người nam giới khoảng 35 tuổi, không biết tên, địa chỉ các số đề: Có 2 (20 số, gồm: 10 số đầu 2, từ 20 đến 29 + 10 số đít 2, từ 02 đến 92) mỗi số 10.000 đồng = 200.000 đồng; 02, 20 mỗi số 10.000 đồng = 20.000 đồng. Tổng 220.000 đồng (K trừ cho người này 20.000 đồng, đã nhận số tiền 200.000 đồng);

30. K bán cho 01 người nam giới khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ số đề: 14 = 5.000 đồng. K thu đủ 5.000 đồng;

31. K bán cho 01 người nam giới khoảng 30 tuổi, không biết tên, địa chỉ số đề: 59 = 5.000 đồng. K đã nhận số tiền 5.000 đồng;

32. K bán cho 01 người nam giới khoảng 50 tuổi, không biết tên, địa chỉ các số đề: 69, 96, 59, 68 mỗi số 20.000 đồng = 80.000 đồng; 07, 70 mỗi số 10.000 đồng = 20.000. Tổng 100.000 đồng, K thu đủ 100.000 đồng;

33. K bán cho 01 người nam giới khoảng 50 tuổi, không biết tên, địa chỉ số lô: $33 \times 05 \text{ điểm} = 110.000 \text{ đồng}$. K thu đủ 110.000 đồng.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, người này trúng số Lô $33 \times 05 \text{ điểm} \times 80.000 \text{ đồng}/01 \text{ điểm} = 400.000 \text{ đồng}$ (K đã trả tiền trúng thưởng). Như vậy, ngày 13 tháng 8 năm 2020, bị cáo K đánh bạc với người này dưới hình thức đánh lô, đề

tổng số tiền là: 110.000 đồng + 400.000 đồng = 510.000 đồng;

34. K bán cho 01 người nam giới khoảng 30 tuổi, không biết tên, địa chỉ số lô: 52×15 điểm = 330.000 đồng. K thu đủ 330.000 đồng;

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, có 08 người trúng thưởng với tổng số tiền là: 5.200.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo Bùi Thị K phạm tội đánh bạc ngày 13 tháng 8 năm 2020 là: 10.580.000 đồng (tiền bán số lô, đề) + 5.200.000 đồng (tiền các con bạc trúng thưởng) = 15.780.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo Bùi Thị K phạm tội đánh bạc ngày 14 tháng 8 năm 2020 là: 7.512.000 đồng;

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2021/HS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị K phạm tội “*Đánh bạc*”.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị K 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, bị cáo Bùi Thị K có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Lý do kháng cáo: Bị cáo tuổi cao, thường xuyên đau ốm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị K, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2021/HS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Phạt bị cáo 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 06 tháng; thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài L trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Thị K làm trong hạn luật định, hợp lệ được xem xét giải quyết.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của người T hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm bị cáo Bùi Thị K thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai những người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài L, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, số tiền thu được của các bị cáo do phạm tội mà có và các tài L, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được cơ quan điều tra thu thập khách quan, đúng pháp luật. Từ đó có đủ căn cứ để xác định: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại nhà riêng của bị cáo K ở thôn C, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, bị cáo K đang có hành vi bán số lô, số đề cho bị cáo Ngô Duy T với số tiền là 700.000 đồng và Đinh Ngọc Q với số tiền là 2.380.000 đồng thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng. Cùng ngày, trước khi bị bắt quả tang, bị cáo Bùi Thị K còn khai nhận có hành vi bán các số lô, số đề, số 3 càng và số lô xiên cho nhiều người gồm có: Hoàng Văn L, Tạ Văn Đ, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Thị N, Lê Thị M, Bùi Đức V, Nguyễn Hải H1 đều cư trú tại thôn C, xã C, thành phố P và một số người không quen biết với tổng số tiền là 4.432.000 đồng.

Ngoài ra, trước đó một ngày, ngày 13 tháng 8 năm 2020, K khai nhận đã có hành vi bán các số lô, số đề, số 3 càng và số lô xiên cho nhiều người gồm có: Bị cáo Ngô Duy T, Hoàng Văn L, Tạ Văn Đ, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Thị N, Lê Thị M, Bùi Đức V đều cư trú tại thôn C, xã C, thành phố P; Đinh Ngọc Q, cư trú tại thôn Y, xã C, thành phố P và một số người khác bị cáo không quen biết, không nhớ tên tuổi, địa chỉ với tổng số tiền bán lô, đề là: 15.780.000 đồng (Trong đó bị cáo K bán số lô, đề cho bị cáo T với tổng số tiền là 5.330.000 đồng).

Như vậy, ngày 13 tháng 8 năm 2020: Bị cáo Bùi Thị K đánh bạc bằng hình thức bán số lô, đề được tổng số tiền là 15.780.000 đồng. Bị cáo Ngô Duy T

đánh bạc bằng hình thức mua số lô, đề của bị cáo K với tổng số tiền là 5.330.000 đồng.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020: Bị cáo Bùi Thị K đánh bạc bằng hình thức bán số lô, đề được tổng số tiền là 7.512.000 đồng.

[3] Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Bùi Thị K về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Bùi Thị K, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo vì mục đích tư lợi cá nhân đã có hành vi bán số lô, số đề trái phép cho các con bạc để thu lợi bất chính, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn và gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo còn có bố đẻ ông Bùi Đức Quyền là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 (Hai) lần nên cần áp dụng thêm tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

Tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân tốt, hiện nay bị cáo đã lớn tuổi, nhận thức về xã hội có nhiều hạn chế, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, sức khỏe yếu có nhiều bệnh nền, thường xuyên phải đi bệnh viện có sổ khám bệnh định kỳ vì vậy cần xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có có thời gian cải tạo ngoài xã hội, có cơ hội chữa bệnh và tự lao động nuôi sống bản thân.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị K. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 41/2021/HS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị K 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Bùi Thị K cho Ủy ban nhân dân xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp bị cáo Bùi Thị K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định của Luật thi hành án hình sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Bị cáo Bùi Thị K không phải phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố Phúc Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an thành phố Phúc Yên;
- TAND thành phố Phúc Yên;
- THADS thành phố Phúc Yên;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ, HCTP, Toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy Mai

